

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HN-ST

Ngày: 31/8/2020.

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Mẫn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Tải

2. Ông Cao Văn Chuộng

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **171/2020/TLST-HNGĐ** ngày 10 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **110/2020/QĐXXST-HNGĐ** ngày 31 tháng 7 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số **48/2020/QĐST-HNGĐ** ngày 17 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị Út S.

Địa chỉ: ấp T1, xã TT, huyện T, tỉnh S. **Vắng mặt.**

2. Bị đơn: Anh Ngô Văn H.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện C, tỉnh H. **Vắng mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn Võ Thị Út S trình bày: Chị và anh Ngô Văn H chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh H. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cự cãi gây mất hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

Về con chung: Chưa có con chung.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn **anh Ngô Văn H** quá trình giải quyết đã được Toà án Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng không đến toà nên chưa thể hiện ý kiến.

Tại phiên toà: Chị Võ Thị Út S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh Ngô Văn H tiếp tục vắng mặt nên không thể phát biểu yêu cầu nào mới.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp. Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, Toà xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp cần phải giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp về ly hôn” theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết. Bị đơn trong vụ án là anh Ngô Văn H hiện tại có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh H. Theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện Châu Thành A.

[3]. Về xét xử vắng mặt. Anh Ngô Văn H là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt.

Về nội dung tranh chấp:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh H chung sống với nhau từ năm 2008, có tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị và anh H chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường hay cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc gia đình, Tòa đã mở phiên hòa giải để tạo điều kiện cho anh, chị được đoàn tụ nhưng anh H không đến tham dự. Chị S kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Xét quan hệ hôn nhân phải dựa trên nền tảng thương yêu, tôn trọng, chăm sóc và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau tạo lập gia đình hạnh phúc, chị S và anh H đã sống ly thân từ năm 2008 cho đến nay nhưng không tạo điều kiện để hàn gắn thể hiện mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị S được ly hôn với anh H.

[2]. Về con chung: chưa có con chung nên không có yêu cầu

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc chị Võ Thị Út S chịu án phí theo mức không có giá ngạch.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ **Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 150, Khoản 2 Điều 227, Điều 228** Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng **Điều 56** Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 5 Điều **27** Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Danh mục mức án phí kèm theo.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Võ Thị Út S được ly hôn với anh Ngô Văn H.

2. Về con chung: chưa có nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Buộc chị Võ Thị Út S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí chị S đã nộp theo biên lai thu số 0003789 ngày 10/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành án phí. Chị Võ Thị Út S không phải nộp thêm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Châu Thành A
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành A
- UBND xã Trường Long A.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, VP.